

# MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CHÚA TRỊNH VỚI VUA LÊ, VỚI CÁC CHÚA NGUYỄN

**Phạm Xuân Huyền**

( Tham luận tại hội thảo “ Các chúa Trịnh – vị trí và vai trò lịch sử năm 1995” )

Đã có nhiều sử sách ghi chép về mối quan hệ giữa các chúa Trịnh với các vua Lê với ngôn từ “chúa Trịnh tiếm ngôi vua Lê”, “chúa Trịnh ức hiếp vua Lê”, thậm chí còn nói “các chúa Trịnh tàn bạo tàn sát con cháu vua Lê” v.v... Trong dân gian cũng có truyền ngôn như vậy.

Cách nhìn nhận như vậy có thể bị hạn chế bởi tư tưởng tôn quân cực đoan, bởi tình cảm sâu đậm đối với công đức dựng nước của Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông.

Và cũng có thể cách nhìn nhận như vậy do thiếu tư liệu lịch sử chứng minh.

Bằng vào các tư liệu lịch sử hiện có, của chính các sử thần nhà Lê ghi chép và của cả triều đại Nguyễn vốn không ưa gì các chúa Trịnh, ngày nay chúng ta có thể có sự nhìn nhận khách quan, đúng tính chất lịch sử về mối quan hệ chúa Trịnh vua Lê.

Trước hết, phải thẳng thắn thừa nhận rằng, vương quyền vua Lê lập lên từ Lê Thái Tổ đã kết thúc với chiếu nhường ngôi của Cung hoàng Xuân vì trao ngôi báu cho An Hưng Vương Mạc Đăng Dung năm 1527 tại Đông Kinh.

Như vậy là nhà Lê đã mất ngôi vào tay nhà Mạc. Vương quyền Lê kết thúc từ đó.

Rồi trong 65 cầm quyền, triều đình Mạc đã ra sức xóa bỏ hết những gì là của vua Lê, kể cả con cái dòng dõi. Đến nỗi, khi vua Lê Trung Tông chết, không con trai, thái sư Trịnh Kiểm tìm mãi mới được Lê Duy Bang con Lê Trừ là anh Lê Thái Tông để lập lên làm vua cho có họ Lê. Mà theo cách xem xét thường tình của nhân dân thì Lê Duy Bang là cháu đã quá xa đời, coi như họ hàng mà thôi. Trong khi xóa bỏ tận gốc dòng dõi vua Lê, các vua Mạc còn cố gắng xóa bỏ tận gốc mọi thể chế

chính trị, kinh tế, xã hội, văn quan, võ tướng của triều Lê thay vào đó thiết chế chính trị, tổ chức hành chính, quân sự, văn hóa và đội ngũ quan lại, cho đến xã trưởng ở hương thôn, chính triều Mạc đào tạo rèn luyện.

Mà nói cho công bằng hơn nữa, triều Lê sơ đã tự kết thúc với những việc dâm ô nhục nhã của “vua quý” Lê Uy Mục và “vua lợn” Lê Tương Dục. Mà như lời hịch truyền tội ác Uy Mục do quần thần giao Bằng nhữn Lương Đắc Bằng viết đã quá rõ ràng:

... “bạo chúa Lê Tuấn (tức vua lợn Uy Mục)..... kém, làm như bản nghiệp lớn của các tiên đế. Tội ác muôn vẻ - Dân đã cùng mà vợ vét không thôi. Bạo ngược như Tần Chính - coi bề tôi như trâu ngựa, coi dân như cỏ rác - nhân dân nhưc óc - cả nước đau lòng...”. Còn Lê Tương Dục bị chính Trịnh Duy Sản là tướng đi đón Tương Dục cùng phe cánh đưa lên ngôi vua, rồi tự tay cầm giáo dâm chết Tương Dục ngay trong cung nội (năm 1517). Từ đó dẫn đến thiên hạ đại loạn với các cuộc ra quân đánh lẫn nhau của các trường Trần Tuấn, Trần Chân, Trần Cảo, Nguyễn Hoàng Dục, Trịnh Tuy làm đổ nát kinh đô Thăng Long, gây ra cảnh đầu rơi máu chảy cho dân lành, dọn đường cho tướng Mạc Đăng Dung cướp quyền bính. Mà Cung hoàng Xuân bấy giờ, một đứa bé ngu muội, yếu hèn như ngọn đèn le lói sắp tắt của triều Lê sơ. Cung hoàng Xuân không ra chiếu nhường ngôi, có câu: “Thiên hạ nay không còn là của nhà ta nữa... (nhà Lê)” thì nhà Lê cũng đã tự chìm vào cảnh thiên hạ rối loạn. Mạc Đăng Dung không chiếm lấy ngôi vua thì cũng sẽ có một họ Trần, họ Đặng nào đó đứng ra chiếm lấy ngôi vua Lê, lập triều đại mới.

**Cho nên nhà Lê có còn ngôi vua đâu cho các chúa Trịnh tiếm, hoặc cướp.**

Chính là ngược lại, **các chúa Trịnh đã dựng lại ngôi vua cho con cháu nhà Lê, mà sau này gọi là vua Lê.** Trịnh Kiểm đã cùng bố vợ là Nguyễn Kim tìm cho được một Lê Duy Ninh (hay Lê Ninh) gọi là con của Lê Chiêu Tông, lưu lạc ở rừng sâu Thanh Hóa rồi tôn phò lên với ngọn cờ tự nghĩa “Phù Lê diệt Mạc” để tập hợp lực lượng đánh nhau với triều Mạc. Vì “thiên hạ đại nghĩa” là hình thức, mà chính

vì để trả thù “Mạc Đăng Dung cùng phe cánh đã tàn sát cả nhà Nguyễn Kim, đèo mã và phá hết mộ táng của Nguyễn Kim, đèo mã và phát hết mộ táng của Nguyễn Văn Lang ở Thanh Hoa, vốn là tướng có công với vua lợn Tương Dực, lúc sống được phong đến tước quốc công, lúc chết truy phong tước vương, tước quốc công, lúc chết truy phong tước vương. Còn bản thân Nguyễn Kim phải cùng bộ hạ, vợ con chạy đến tại Sầm Châu nương nhờ sự giúp đỡ của các tù trưởng Lào, Việt tại nơi rừng sâu đại ngàn. Danh nghĩa tôn phò đó cũng không vững vàng lắm, cho nên khi có cuộc đối thoại của Mạc Đăng Dung với các khâm sai của vua nhà Minh tại ải Nam quan để phân giải thực hư về Mạc thay Lê cai quản nước Nam, theo lời kiện cáo của Nguyễn Kim đến vua nhà Minh, chỉ một câu nói của Mạc Đăng Dung phản bác: “Con cái nhà Lê không còn ai nữa. Lê Ninh mà Nguyễn Kim dựng lên chỉ là con cháu của Nguyễn Kim dựng lên để lừa dối thiên triều và nhân dân nước Nam...”. Chỉ một câu nói thế thôi, mọi việc được loại bỏ, và Mạc Đăng Dung được thiên triều phong cho chức “An nam đô thống sứ ty” để làm phiên thân ngoan ngoãn cho thiên triều...” (ghi theo Đại Việt sử ký toàn thư).

Vậy là, từ Nguyễn Kim mở đầu, rồi từ đó Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng kế tiếp đến các chúa Trịnh về sau ra sức tôn phò, gìn giữ một ngôi vua để tượng trưng cho quân quyền của một triều đại có ơn sâu nghĩa nặng với dân, qua đó mà tập hợp hào kiệt bốn phương, có kết lòng người, huy động sức người sức của trăm họ, dưới ngọn cờ “Phù Lê diệt Mạc” để chiến đấu giành thắng lợi, đánh đổ triều Mạc, mang lại thái bình, thịnh trị cho đất nước, cho muôn nhà. Suốt 253 năm, tính từ năm **1533** có ngôi vua Lê Trang Tông ở rừng sâu Sầm Hạ núi rừng trán Thanh Hoa đến ngày vua Lê Hiến Tông băng hà ở Đông Kinh được tướng Tây Sơn Phò mã Long nương tướng quân, tước Thượng công của nhà Lê là Nguyễn Huệ làm tang ma trọng thể đến năm **1786**, có 17 đời vua Lê ngôi trên ngai vàng cùng các chúa Trịnh coi sóc việc nước (không tính Lê Chiêu Thống, ông vua cuối cùng vào đây). Trong những năm chiến tranh ác liệt với triều đình Mạc, gồm 60 năm, các vua Lê ngôi ở nơi hành tại

Vạn Lại bên bờ sông Chu, gần với khu Lam Kinh ra nơi có lăng mộ các vua Lê thời mở nước, không phải dải gió dầm mưa, xông pha rừng tên mũi đạn gì. Trong sử thỉnh thoảng có ghi: vua Lê cũng có hành quân, có đến thành Tây đô uỷ lao tướng sĩ: Công việc đó rất ít và cũng chỉ có ý nghĩa tượng trưng. Còn các chúa Trịnh thì thực sự phải nam chinh, bắc chiến xông pha trong mọi chiến dịch, mọi trận đánh để cùng tướng sĩ ba quân giành chiến thắng trong máu lửa gian nan. Đến năm 1593, vua Thế Tông về Thăng Long ngồi trên ngai vàng an hưởng cảnh phú quý của bậc đế vương, có triều đình lục bộ giúp việc hành chính. Còn mọi việc đuổi đánh tàn quân Mạc, đối phó với mọi sức ép của thiên triều Đại Minh, Đại Thanh ở biên giới, bắt trấn thủ Thuận Quảng và tù trưởng các vùng biên ải vào khuôn phép, đối phó với mọi việc xảo quyệt của bọn Tây dương, việc quân, lương, việc học, nghĩa là mọi việc ảnh hưởng đến quốc gia yên ổn và phát triển là thuộc các chúa Trịnh gánh vác. Cũng có vài lần, các vua phải theo quân Trịnh Tráng, Trịnh Tạc hành quân đến Nghệ An để mượn tiếng vua uy hiếp quân uy chúa Nguyễn. Cũng không có hiệu quả gì lớn đến chiến thắng hay chiến bại của quân Trịnh. Các vua Lê có cung vàng, điện ngọc, có hoàng hậu, cung tần và lương bổng rất lớn do chúa Trịnh quy định cho triều đình cấp phát. Một số vua Lê được chúa Trịnh gả con gái làm hoàng hậu, hoặc lúc nhỏ mẹ chết sớm được vợ chúa đem về nuôi và dạy dỗ thành người sau về lên ngôi báu.

Các chúa Trịnh đã thực sự tìm mọi biện pháp để cho vương quyền Lê - Trịnh được nhất quán, bền vững, vì lợi ích quốc gia và cũng vì lợi ích của mỗi dòng họ. Tư liệu lịch sử đã có ghi những tác động của triều đình Đại Minh, Đại Thanh có âm mưu, lung lạc các chúa Trịnh tiếm ngôi nhà Lê như tặng lễ vật hậu, phong “An nam phó quốc vương” lại tán “chúa Trịnh là chân anh hùng”. Cái chính là các chúa Trịnh, cùng với những cố vấn sáng suốt của mình, đã không mắc mưu kẻ địch, để bảo vệ lợi ích to lớn của quốc gia, vẫn giữ tròn bổn phận “nước Nam có vua Lê và có chúa Trịnh”. Đương thời có truyền ngôn về sấm ký của Trạng Trình với 8 chữ: “Lê tồn

Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong” hoặc “Trịnh tồn Trịnh tại, Trịnh bại Lê vong”. Sấm ký là văn học dân gian. Còn sự liên minh vương quyền Lê - Trịnh là một chiến lược chính trị quan trọng mà các chúa Trịnh đều kiên trì thực hiện. Nếu có lúc nào có sự căng thẳng, ảnh hưởng đến tình hình quốc gia và uy quyền của Phủ chúa là được điều chỉnh thích hợp, Trịnh Doanh đã làm lại những gì Trịnh Giang đã phũ phàng xô đổ, và các sử thần đã ghi: Chúa (Trịnh Doanh) khiêm nhường được vua Lê kính trọng, nhân dân hoan nghênh”.

Thực tế, các chúa Trịnh có đủ thực lực, tài năng và uy tín để phế bỏ vua Lê mà lập triều đại mới. Có nhiều trường hợp rất thuận lợi. Nhưng các chúa Trịnh không làm như vậy, có lẽ là đã thấy rõ những thất bại thảm hại của triều đại Hồ với triều Trần, triều Mạc với triều Lê sơ. Các chúa Trịnh đã chọn con đường liên minh quân quyền với Lê, lập nên vương quyền Lê - Trịnh, như câu sấm của Trạng Trình “năng thờ Phật được ăn oản”. Thời đó, người ta cho như vậy là có gì đó chưa phải đạo tôn quân. Nhưng ngày nay, có thể coi đó là một mô hình vương quyền tiến bộ, một sáng tạo của các chúa Trịnh ở thế kỷ 16-17-18, mà đã có ở châu Âu thế kỷ 19.

Chúa Trịnh không có hành động tàn bạo với các vua Lê như các vua Trần với triều Lý, như các vua Mạc với triều Lê Sơ. Có một số trường hợp có vua Lê bị Chúa Trịnh giết như: Lê Anh Tông, Lê Kính Tông, nhưng đều xuất phát từ những sai lầm, nông nổi của các ông vua đó, không phải từ các chúa Trịnh gây ra. Lê Anh Tông bị chết mờ ám, nhưng con thứ 5 của ông là Thế Tông vẫn được nối nghiệp và năm 1593 về Đông Kinh lên ngôi ngai vàng làm rạng rỡ cho gia tộc. Vua Kính Tông cũng tương tự như vậy.

Một mặt, các vua Lê, con cháu vua Lê đã có nhiều lần cự quỹ để muốn xóa vương quyền Lê Trịnh, lập vương quyền Lê độc tôn. Nhưng các ông không có đủ tài năng và lực lượng để thực hiện mơ ước viễn vông của mình.

Năm 1619, vua Lê Kính Tông nghe lời bộ hạ liên kết với con thứ 15 của Bình an vương Trịnh Tùng là Trịnh Xuân, một kẻ ngỗ ngược ngu muội, định làm đảo

chính giết Trịnh Tùng. Vua lấy lại quyền lĩnh và cho Trịnh Xuân làm Thái sư (?). Chưa làm được việc gì thì âm mưu bị lộ, Trịnh Xuân bị bắt giam, còn Kính Tông thì bị bức tử thất cổ chết (sau Trịnh Xuân được tha, 4 năm sau 1623, tự mình kéo quân nổi loạn đốt phủ chúa Trịnh định giết Trịnh Tùng cướp ngôi chúa. Việc lại không thành và bị Trịnh Tùng và em là Trịnh Đổ giết Xuân tại nhà Đổ). Năm 1738, Hoàng tử Lê Duy mật con vua Lê Dụ Tông, bị chúa Trịnh Giang bạo ngược bỏ vua này lập vua khác, triều chính đảo điên, nhân cơ hội đó, cùng các em và bộ hạ nổi loạn đốt kinh thành Thăng Long định giết Trịnh Giang, giành lại quyền bính. Nhưng rồi bị Trịnh Giang đánh đuổi phải chạy dài nhiều nơi, lập căn cứ ở rừng núi Thanh Hóa sau lại chạy vào lập căn cứ ở Trấn Ninh (Nghệ An) rông rã hơn 30, cuối cùng thất bại hoàn toàn bởi các cuộc tiến công của Trịnh Doanh, và Trịnh Sâm. Cuộc nổi dậy của Lê Duy Mật có lực lượng nhưng cũng không được sự hưởng ứng của nhân dân, nhất là của các văn thân, võ tướng triều đình Lê - Trịnh, mặc dù lúc nổi dậy; Lê Duy Mật có thời cơ tốt, Trịnh Giang bạo ngược, khắp vùng Bắc Hà còn có nhiều cuộc khởi nghĩa được hàng vạn nông dân đi theo như cuộc nổi dậy của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cử, Hoàng Công Chất.

Và cuối cùng là thời cơ của Lê Chiêu Thống. Khi lên ngôi, Chiêu Thống đã thoát được sự kiềm chế của chúa Trịnh (Trịnh đã bị Tây Sơn diệt). Nhưng khi quân Tây Sơn chưa về đến Phú Xuân, thì Chiêu Thống đã bị Trịnh Lê, rồi Trịnh Bồng kéo quân đến kinh thành bức phải lập Trịnh Bồng lên ngôi chúa. Chiêu Thống lại phải mật gọi tướng Tây Sơn là Hữu quân đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân từ Nghệ An ra dẹp Trịnh Bồng. Rồi Nguyễn Hữu Chỉnh lại tự tiến phong Tiết chế Bằng quốc công nắm hết binh quyền, và như một vị “chúa Trịnh mới” bên Lê Chiêu Thống. Rồi quân của Tả quân đô đốc Vũ Văn Nhậm của Tây Sơn ra Thăng Long diệt Chỉnh, Lê Chiêu Thống kéo bộ hạ và vợ con chạy sang Trung Quốc cầu cứu “cõng rắn về cắn gà nhà”, việc cũng không thành và không được mấy ai theo, và cuối cùng chết khổ nhục ở đất Trung Quốc.

Có một điều cũng cần nêu lên, có những vua Lê thừa nhận, và tự nguyện làm nhiệm vụ tượng trưng quân quyền với chúa Trịnh, làm đúng nhiệm vụ được quy định nghĩa là thực sự thể hiện hình thái quân quyền Lê - Trịnh như Lê Thế Tông, Lê Thành Tông, Lê Dụ Tông, Lê Hiến Tông thì triều đình yên ổn, đất nước thịnh trị (theo cách gọi của các sử gia xưa).

Qua đó, thấy rõ trong lịch sử thế kỷ 16-17-18, vua Lê chỉ là tượng trưng cho một triều đại có công được dân mến mộ. Các chúa Trịnh đã biết dựa vào đó, coi như tôn trọng truyền thống đạo nghĩa dân tộc, để xây dựng quyền lực lo việc lớn cho quốc gia. Chính vì có được nhãn quang sáng suốt đó mà vương quyền Lê - Trịnh tồn tại bền vững trên 200 năm, tức ba thế kỷ. Đó là tài năng chính trị của họ Trịnh, không thể coi là tiếm ngôi, ức hiếp vua Lê. Lịch sử đã chứng minh rõ, không có chúa Trịnh thì vua Lê sụp đổ. Và khi vua Lê sụp đổ, họ Trịnh cũng không còn nữa.

Điều đáng nêu lên nữa là họ Trịnh kiên trì giữ Lê để giữ vững vương triều Lê - Trịnh, không đại dột chiếm ngôi vua, mặc dù có thừa điều kiện, thực lực và có nhiều cơ hội thuận tiện. Và mặc dù có nhiều lời qua tiếng lại, 12 chúa Trịnh không có người nào lên làm vua. Trong khi ở Thuận Quảng, chúa Nguyễn Phúc Chu (1700) đã có lúc ngầm cho người vượt biển sang Trung Quốc bí mật liên hệ với triều đình Mãn Thanh xin được phong làm vua đất Nam Hà, nhưng vua Thanh không chấp nhận.

## **2. Mối quan hệ với các chúa Nguyễn**

Các sử gia triều Nguyễn, với cương vị tôi thân triều Nguyễn, qua sử sách đã để lại nhiều ấn tượng không tốt đẹp cho nhân dân về mối quan hệ của các chúa Trịnh với các chúa Nguyễn. Họ lên án cái chết không rõ ràng của Nguyễn Uông là tự Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng đi trần thủ Thuận Hóa là tự Trịnh Kiểm, cất quân đánh Nguyễn là tội của Trịnh Tráng dẫn đến việc chia cắt Nam Bắc đất nước. Và cao hơn buộc tội các chúa Trịnh là những kẻ tàn bạo tiếm ngôi vua Lê, ức hiếp vua Lê, là

những người có tội ác với tổ tông triều Nguyễn v.v... Cũng bằng các tài liệu lịch sử đã có, cần làm sáng tỏ mối quan hệ Trịnh - Nguyễn, trả lại đúng thực chất của nó.

Về cái chết mờ ám của Nguyễn Uông, con Nguyễn Kim, anh Nguyễn Hoàng, cho đến nay, chưa có một quyển sử nào nói rõ bị Thái sư Trịnh Kiểm giết chết như thế nào. Mà hàng 100 năm qua chỉ nói chung chung là Trịnh Kiểm giết để giành binh quyền vào tay thế thôi, chưa hề có sách nào nói chết như thế nào, ở chỗ nào và năm nào.

Tư liệu lịch sử cho biết, khi Thái tử Chiêu huân công Nguyễn Kim bị chết vì bị hàng tướng Mạc Dương Chấp Nhất mời ăn dưa hấu có thuốc độc, chết tại quân doanh ở Yên Mô trên đường tiến quân ra Bắc đánh Mạc (1545), thì Trịnh Kiểm đã là Dực quân công, đại tướng quân cầm đại binh đi làm nhiệm vụ hành quân tiền phương, Đô tướng chết, các tướng lĩnh hoang mang. Lập tức, vua Lê Trang Tông phải trao quyền Đô tướng Tiết chế cho Trịnh Kiểm để củng cố quân đội, giữ vững công việc trung hưng đánh Mạc phủ Lê. Lúc này, không có người nào có đủ tài năng, uy tín như Trịnh Kiểm. Mà Trịnh Kiểm là con rể lấy con gái cả (sử còn ghi là con gái cưng) của Nguyễn Kim. Thực tế Trịnh Kiểm đã là vị tướng đứng hàng thứ hai sau Nguyễn Kim kể về tài năng, công lao chiến trận, uy tín trong quân, và trong gia tộc Nguyễn. Chính Trịnh Kiểm là người đã xông pha chiến trận, đem quân đánh chiếm Nghệ An - Thanh Hóa, chiếm thành Tây Đô, bắt Dương Chấp Nhất tướng Mạc trấn thủ Thanh Hoa phải về hàng Nguyễn Kim.

Thơ ca của Đào Tá Hân, cha của Đào Duy Từ đã ca ngợi ông:

*“... Trang quốc sĩ ai bằng Trịnh Kiểm  
Trở thân uy đánh chiếm hai châu (Hoan, Ái)  
Thẳng đường rong ruổi vó câu,  
Phù Lê diệt Mạc trước sau một lòng...”*

Thân thế Đào Duy Từ

Tác giả Dương Tụ quán



Còn Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng lúc Nguyễn Kim chết đều đã ở tuổi trưởng thành, có theo việc quân và được phong tước hầu (Uông không rõ - còn Hoàng là **Hạ Khê hầu**). Vậy thì việc gì Trịnh Kiểm phải ngầm giết em vợ là Uông để đoạt quyền chỉ huy quân đội, mà hoàn cảnh của triều đình Lê lúc này mới lập, đang gặp muôn ngàn gian khổ, căn cứ còn nhỏ hẹp lại phải đương đầu với quân Mạc hùng cường, sách lược chung là phải cố kết lòng người, lòng quân, chiêu hiền đãi sĩ để kêu gọi anh hùng hào kiệt và nhân dân ủng hộ. Làm gì đã có bổng lộc, quyền tước cao sang mà tranh giành nhau. Mà Trịnh Kiểm đã là người trụ cột số 1, giờ đầu chịu báng, để giữ vững ngọn cờ Phù Lê diệt Mạc, với ông vua Lê Trang Tông bên cạnh làm tượng trưng.

Bây giờ, chúng ta có thể cho rằng Nguyễn Uông đã chết đột ngột trong một trường hợp hành quân nào đó, rồi có kẻ xấu về sau nêu lên với dụng ý xấu đối với Trịnh Kiểm. Lịch sử đã từng có những cái chết bất ngờ như Lê Thái Tông ở vườn vải Hải Dương sau một đêm nghe Thị Lộ, vợ Nguyễn Trãi đọc sách hầu, rồi bị vu oan là Thị Lộ cùng Nguyễn Trãi giết - (Thị Lộ lúc đó đã ngoài 40 tuổi và ông vua trẻ Lê Thái Tông mới 20 tuổi), mãi đến 24 năm sau, vua Lê Thánh Tông ở ngôi 6, năm, năm 1446 mới xuống chiếu rửa nỗi oan khuất cho Nguyễn Trãi, nhưng không đá động gì đến Thị Lộ và nguyên nhân cái chết của vua cha. Nghi vấn đó vẫn cứ âm ỉ kéo dài cho đến ngày nay, trong một cuộc hội thảo lịch sử, có nhà nghiên cứu lịch sử mới dám nói rằng Lê Thái Tông chết vì dịch tả mùa hè ăn nhiều vải bị bệnh tả (cũng là dự đoán). Vậy thì tại sao cái chết không nguồn gốc, không một chứng tích gì cả của Nguyễn Uông cứ mãi gán cho Tướng quân Trịnh Kiểm, thế tổ của dòng chúa Trịnh, **cho đến ngày nay mọi người vẫn cứ theo nhau nói như thế.**

Còn việc Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, các sử nhà Nguyễn gọi là “Trịnh đày Nguyễn Hoàng”, thế tổ nhà Nguyễn vào nơi “**Ô châu ác địa**” để mượn nơi đất hiểm diệt trừ. Mọi người học lịch sử Việt Nam học thời Pháp thuộc đều được truyền đạt cái tinh thần đó và hiểu như vậy. Lúc này Nguyễn Hoàng đã lớn, có thể

lực và có tước Đoan quận công. Các sử thời Lê - Trịnh ghi là: Nguyễn Hoàng sợ bị vạ, ngầm bàn với chị là vợ Trịnh Kiểm xin vào trấn thủ Thuận Hóa để lập công, tránh vạ bị diệt. Và có nói thêm: nhiều lần Trịnh Kiểm không cho, có lần Kiểm gặp thẳng Hoàng nói rằng nhà ngoại còn có cậu, không nên đi ra, ở lại đây giúp vua, giúp tôi cũng là tốt, việc gì phải đi đâu, để có chị có em v.v... (ghi theo Đại Việt sử ký toàn thư). Sau đó, qua nhiều lần khẩn khoản của Hoàng và của vợ, Trịnh Kiểm tâu vua xin phong cho Hoàng đi trấn thủ Thuận Hóa, mang theo quân bốn bộ và nhiều người thân thuộc ở Gia miêu và huyện Tống Sơn (huyện Hà Trung - Thanh Hóa ngày nay). Có truyền thuyết, trước khi lập kế đi Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng có cho người đi Hải Dương ngầm hỏi Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm và được chỉ bảo: “Hoành Sơn nhất đại vạn đại dung thân”. Năm 1557 Nguyễn Hoàng đi Thuận Hóa với sứ mạng cao cả. Trịnh Kiểm tiễn đưa và căn dặn ân cần. Kiểm lại cử Trấn quận công Nguyễn Bá Quỳnh làm Tổng binh vào chiếm đất Quảng Nam (lúc đó bao gồm cả đất Quảng Ngãi ngày nay) làm trấn thủ để cùng Nguyễn Hoàng giữ đất căn bản phương Nam cho Nam triều Lê. Trong những năm Nguyễn Hoàng làm Đoan quận công trấn thủ Thuận Hóa, Trịnh Kiểm có gửi thư chữ nôm tự tay viết gửi cho Nguyễn Hoàng động viên Hoàng làm tốt nhiệm vụ nơi biên ải. (nhà nghiên cứu văn học, giáo sư Hà Minh Đức, trong một tác phẩm văn học cho biết lá thư Nguyễn Hoàng nhận được của Trịnh Kiểm là lá thư cổ nhất còn giữ được đến ngày nay - hiện lưu ở Thư viện Hán Nôm). Khi Thuận Hóa đã được yên ổn, vững vàng, Nguyễn Hoàng có lần về Vạn Lại châu vua, chúc mừng Thái sư và chị gái, nộp lương thảo, khí giới cho triều đình dùng vào việc đánh Mạc. Thái sư Trịnh Kiểm rất khen ngợi Hoàng: ... “Nhà nước lấy chỗ trọng nhậm giao cho cậu. Cậu nên trước sau như một, dốc hết lòng xưa giúp vua dựng nước... Và giao cho Nguyễn Hoàng trấn quản luôn cả Quảng Nam, cho gọi Trấn quận công Nguyễn Bá Quỳnh về Thanh Hóa làm nhiệm vụ khác. Như vậy là Trịnh Kiểm rất tin dùng và giao quyền lớn cho Nguyễn Hoàng.

Cũng cần nói rõ là vùng Thuận - Quảng lúc này rất quan trọng đến sự nghiệp trung hưng nhà Lê. Từ 1527 đến 1557, trong 30 năm đó là đất chiếm của vương triều Mạc. Đến 1557, vì đã có được căn cứ mở rộng ở Thanh Hóa - Nghệ An, Trịnh Kiểm mới tính đến việc chiếm Thuận - Quảng để có lực lượng lớn mạnh về mọi mặt của Nam Triều nhằm vào việc dốc sức đánh Mạc đến thắng lợi cuối cùng, chiếm được Thuận - Quảng đã khó mà giữ cho được Thuận - Quảng lâu dài làm hậu phương vững chắc cho Nam triều đánh Mạc lại càng khó hơn, một khi Thuận - Quảng lại rơi vào tay Mạc, hoặc vào một tướng lĩnh nào ly khai Nam triều thì Trịnh Kiểm và triều đình Lê cũng sẽ rơi vào cảnh “lưỡng đầu thọ địch”, cơ nghiệp trung hưng sẽ bị xóa bỏ, nói gì đến đánh thắng Mạc. **Và những tướng lĩnh thân tín nhất, gắn bó nhất với sự nghiệp trung hưng mà Trịnh Kiểm đang cầm đầu không ai bằng Nguyễn Hoàng.** Đứng về quan điểm quân sự, chỉ đạo chiến tranh lúc đó, **Trịnh Kiểm không còn sự lựa chọn nào hơn là phải cử được Nguyễn Hoàng vô trăn thủ Thuận Hóa - rồi cả Thuận Quảng với một sự tin cậy vững vàng.**

Vậy thì, nếu là như vậy thì có phải là Trịnh Kiểm cố tình đẩy Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa là đẩy vào chỗ chết với ác ý ngầm diệt hậu họa không? Chúng ta cần tìm hiểu kỹ về việc này, mà không theo vết xe mòn từ lâu lên án Trịnh Kiểm.

Có thể kết luận không sợ sai lầm: Thái sư Trịnh Kiểm không có hành động gì có hại, làm việc ác với Nguyễn Hoàng. **Chỉ có lòng tin dùng trọn tài của người Tổng chỉ huy với tướng dưới quyền.**

Năm 1570, Trịnh Kiểm chết, sau một thời gian Trịnh Cối gây ra sự lục đục, Trịnh Tùng lên nối nghiệp cha làm Đô tướng Tiết chế chư quân, tước Trường Quốc công, trong hai mươi năm xông pha lửa đạn gian nguy, đến 1592 mới cầm được cờ Phù Lê diệt mạc lên Kinh thành Thăng Long, báo tin với cả nước đã hoàn thành vẻ vang sự nghiệp trung hưng.

Trong 20 năm đó, Nguyễn Hoàng ra sức mở mang thế lực ở Thuận - Quảng, không đóng góp gì về quân lương, khí giới cho việc đánh Mạc ở phía Bắc, nhưng

vẫn đề con là Nguyễn Hắc (có sách nói còn thêm 1 con trai nữa) ở lại Bắc Hà, làm tướng dưới trướng Trịnh Tùng, sau này có công lao được phong tước quận công.

Năm 1593, sự nghiệp trung hưng đại thắng. Trịnh Tùng rước vua Lê Thế Tông về chính vị trên ngai vàng ở Đông Kinh. Nguyễn Hoàng đem quân quyền rất đông và 100 chiến thuyền cùng lễ vật trọng hậu ra Thăng Long chào lạy vua, ra mắt Đô Tướng thái sư Trịnh Tùng và triều đình. Cậu cháu mừng rỡ, Trường quốc công Tùng lưu giữ Nguyễn Hoàng ở lại kinh sư để cùng lo việc nước đang bẽ bộn. Để cậu có uy danh với triều đình, Trịnh Tùng cử Nguyễn Hoàng đem chiến thuyền tiến đánh quân Mạc ở Hải Dương, An Quảng. Nguyễn Hoàng lập công lớn, Trịnh Tùng tâu vua phong Nguyễn Hoàng Chức Hữu tướng quốc, Thái úy Trung quân đô đốc Phủ tước Đoan quốc công. Như vậy là quyền uy của triều đình Lê thực sự vào tay cậu cháu Trịnh Tùng. (Tùng còn có một ông cậu ở phía khác là Hoàng Đình Ái cùng quê Biên Thượng với Tùng, chức Tả tướng quốc, Thái úy Vinh quốc công) (còn Nguyễn Hoàng là em ruột mẹ Tùng).

Năm 1599, vua Lê tiến phong Trịnh Tùng Bình An vương, tôn hiệu Thượng phủ, cho lập Phủ Chúa.

Năm 1600, mượn cớ (có sách nói tạo cớ) đem quân đi dẹp bọn Phan Ngạn - Bùi Văn Khuê (vốn là hàng tướng Mạc), quốc công Nguyễn Hoàng kéo quân bản bộ ra biển vượt và về Thuận Quảng.

Những năm ở lại Thăng Long có một việc xảy ra có ý nghĩa đối với Nguyễn Hoàng, là Trịnh Tùng đã xin Hoàng gả con gái yêu cho con trai thứ ba là Trịnh Tráng (sau này nối ngôi chúa là Thanh Đô vương). Cô gái nhỏ của Hoàng là Nguyễn Thị Ngọc Tú.

Khi Nguyễn Hoàng về Thuận Hóa, Bình An vương Trịnh Tùng cho trung sứ Trịnh nghĩa lâu mang thư vào thuyết phục, đại ý có những câu: (thư chữ Hán)

... Đại thân cùng với nước cùng vui buồn. Cậu đối với nước mà nói thì là bầy tôi huân cừu mấy đời vua; đối với nhà là tình nghĩa bà con rất thân. Tiên tổ mất đi

(tức ông ngoại Nguyễn Kim), tiên khảo cháu (chỉ Trịnh Kiểm) giữ trọng trách của nước, lấy cậu là người ruột thịt, ủy cho tự nhận hai xứ Thuận - Quảng. Cậu từ khi nhận mệnh, vỗ yên dân, thực cũng có công. Tiên khảo cháu cháu trời, cháu giữ binh quyền, vẫn để cậu giữ chức cũ. Nhiều lần gửi văn thư, giục cậu đốc thu tiền thuế, vận tải lương thực để chi dùng việc nước, cậu thường lấy có đường biển hiểm trở khó khăn mà từ chối. Đến khi Kinh thành đã lấy lại, thiên hạ đã yên, cậu mới ung dung theo đạo nghĩa mà về châu vua. Triều đình ưu đãi cho quản huyện Hà Trung và 7 huyện trấn Sơn Nam (để lấy lộc) cho chức Hữu tướng quốc, giúp nghiệp thịnh trị, yên dân cả nước. Không ngờ cậu không đợi mệnh, tự tiện bỏ về, làm dao động lòng dân. Không biết ý cậu hay mưu kẻ gian phản nghịch bày ra. Việc đã lỡ rồi, nếu cậu tỉnh ra, hối lại lỗi, nghĩ đến công nghiệp tiên tổ, nên sai người mang thư đến hành đại bái bảm, rồi đốc nộp tiền thuế cho nước, lấy công trừ tội, công lao cậu lại được toàn vẹn, huân danh sự nghiệp mấy đời dài lâu không mất... Nếu không thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình đem quân đánh có có rồi, danh tiết cậu rồi ra sao? Chớ để mối hận về sau...”

Nhận thư, đọc và qua tư thế của trung sứ, Nguyễn Hoàng bảo tả hữu:

... “Trời sinh chủ tướng, Triều đình đã có người giỏi...”

Ông xin nhận với sứ sẽ chuẩn bị lương thảo nộp đủ cho Triều đình, tỏ vẻ hòa dịu. Mọi việc ổn.

Thực tế lúc này, lực của Nguyễn Hoàng còn non, chỉ lo giữ gốc, chưa dám ra mặt chống Trịnh Phủ và triều đình. Vẫn tự nhận là phiên thần của triều đình nơi biên ải, lo nhiệm vụ nộp thuế, con trai của Nguyễn Hoàng là Nguyễn Hắc vẫn ở Thăng Long làm quan với các chúa Trịnh Tùng, Trịnh Tráng, về sau có con trai lấy con gái một chúa Trịnh.

Còn Trịnh Tùng còn lo nhiều việc ở Bắc Hà, còn tàn dư Mạc ở An Quảng - Cao Bằng không thể chỉ lo giải quyết Thuận - Quảng.

Qua lá thư trên, thái độ của chúa Trịnh rất rõ ràng, muốn được thống nhất vương quyền cho nước mạnh, dân giàu – Lấy thuyết phục họ Nguyễn là chính. Trịnh Tùng qua đời. Trịnh Tráng lên nối nghiệp tức Thanh Đô vương, năm 1623. Đến 1625, Thanh Đô vương (con rể Nguyễn Hoàng) cử sứ vào Thuận Quảng, lúc này Nguyễn Hoàng đã chết, con thứ 6 là Nguyễn Phúc Nguyên lên giữ chức Trấn thủ Thuận - Quảng, tước quốc công. Phúc Nguyên có ý ly khai với triều đình, không nộp thuế, không ra châu, không cho con ra Bắc làm con tin triều đình. Sứ của Trịnh Tráng vào giao cho Phúc Nguyên lệnh của Triều đình hỏi:

- Sao Phúc Nguyên không ra Đông Kinh châu vua?
- Không gửi con trưởng ra làm con tin?
- Không nộp đủ thuế cho nhà nước?
- Không nộp cống hàng năm? và có hành động chống triều đình.

Và đặt ra ba yêu cầu:

- Thuế cũ thiếu cho xóa, phải nộp thuế 5 năm trở lại đây.
- Phải nộp 30 thuyền chiến, 2 con voi
- Phải cho con trưởng ra Thăng Long làm con tin.

Các yêu cầu của triều đình, Phúc Nguyên không tuân thủ một điều, chỉ mượn cơ khó khăn để khát lùi, không ra mặt chống, nhưng ngầm chuẩn bị lực lượng.

Có đủ lý do để trừng phạt, năm 1627 Thanh Đô vương mang 10 vạn quân, đem vua Lê đi theo để làm hiệu lệnh. Cuộc chinh phạt không thành công, chưa có đánh nhau, quân Trịnh vội rút về Bắc vì có tin có biến do kế phản gián của tướng Nguyễn Hữu Dật.

Đến năm 1633, Trịnh Tráng lại đem 10 vạn quân đánh Phúc Nguyên, vì có Lữ Thầy của Đào Duy Từ xây dựng nên quân Trịnh thất bại, phải rút quân. Từ đó, trấn thủ Thuận - Quảng ly khai triều đình Lê - Trịnh, tự xưng chúa phương Nam ra mặt chống lại chúa Trịnh, thực chất là ra sức chống lại các cuộc tiến công của Trịnh - năm 1648 lại tiến đánh Nguyễn. Từ đó diễn ra cuộc nội chiến Đàng Ngoài - Đàng

Trong, gọi là nội chiến Lê - Trịnh kéo dài nhiều năm, mãi đến 1672, Định Nam vương Trịnh Căn đánh trận cuối cùng không thắng, bèn giảng hòa, nội chiến Trịnh - Nguyễn chấm dứt, kéo dài 45 năm. Hai bên lấy sông Linh Giang làm giới hạn. Các chúa Nguyễn tự phong tước vương không có quan hệ với Đông Kinh. Mãi đến 1774, nhân triều chúa Nguyễn suy yếu, có loạn Tây Sơn nổi lên đánh phá đánh phá làm rối loạn Nam Hà, chúa Trịnh Sâm cho Hoàng Ngũ Phúc đem quân đánh chiếm Phú Xuân, thu hồi cả đất Quảng Nam vào đất đai cai quản của triều đình Lê - Trịnh. Và sau đó cả chúa Trịnh, chúa Nguyễn bị vương triều Tây Sơn đánh tan tác. Vương triều Lê - Trịnh sụp đổ hoàn toàn. Con cháu chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh lưu vong tập hợp lực lượng, dựa vào nước ngoài, năm 1801 lập triều đại nhà Nguyễn v.v...

Qua những sự kiện lịch sử đó, làm thế nào, mà có thể quy tội cho các chúa Trịnh tàn ác với các chúa Nguyễn và gây ra nội chiến Lê - Trịnh - Nguyễn mấy chục năm, chia cắt đất nước mấy thế kỷ. Có thể đặt ngược vấn đề lại, nếu Đoàn quốc công Nguyễn Hoàng, vì lợi ích tối cao của quốc gia, ở lại Thăng Long, góp phần cùng triều đình Lê - Trịnh củng cố sự thống nhất của nước Đại Việt, đem tài kinh bang tế thế giúp việc giải quyết hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế văn hóa cả nước tốt đẹp hơn thì đất nước Đại Việt hạnh phúc biết bao! Nhưng làm sao mà đòi hỏi những nhân vật lịch sử thế kỷ 17, một thời đại mà những tư tưởng mưu bá đồ vương, mưu lợi ích dòng họ đang nặng nề và chế độ quân chủ phong kiến đang tan vỡ để tìm một mô hình quản lý đất nước thích hợp hơn. Một chứng minh, cho đến thế kỷ 18, với cuộc nổi dậy của anh em nhà Tây Sơn, sau khi đánh Bắc, dẹp Nam, giành thắng lợi, chiếm cứ được cả nước Đại Việt, nhiều nhà sử ca ngợi “công lao thống nhất của triều Tây Sơn”, nhưng thực chất vẫn là cuộc phân lập của hai vương quyền, hai quốc gia: một của vua Quang Trung, Nguyễn Huệ, một của vua Thái Đức Nguyễn Huệ lấy đất Quảng Nam và ải Hải Vân làm ranh giới phân chia. Mà đó là 2 anh em ruột thịt, cùng nổi lên dưới một ngọn cờ khởi nghĩa ở núi rừng Tây Sơn, và kết cục là hai bên cùng đánh nhau, để rồi cùng bị tiêu vong vì một Nguyễn Ánh.

Cũng bởi nhận thức được nguồn gốc của sự phân liệt và chống đối của hai dòng họ Trịnh - Nguyễn mà khi Nguyễn vương Phúc Ánh khi đạt được mục tiêu diệt xong các thế lực đối phương, lên ngôi Hoàng đế nước Việt Nam năm 1802, đã làm hòa dịu mối hận thù dòng họ đã có lâu năm.

Năm Gia Long nguyên niên (1802), vua nhà Nguyễn đã có chiếu nói về họ Trịnh:

*... “Nhớ xưa ta cùng họ Trịnh vẫn là thân thích, quãng giữa Bắc - Nam đôi ngã thành xa cách nhau. Nay đã dẹp được giặc, trong ngoài thống nhất một nhà, tình thân qua cát từ xưa lại nên nhớ đến.”*

Và sau đó lại có chiếu, lệnh với lời lẽ: *“tổ tiên nhà ngươi (các con cháu họ Trịnh đã ra trình diện) vốn là thân thích với nhà ta. Nghĩ tình thân qua cát cũng nên thương nhớ. Vậy tha cho lũ người thuế thân, thuế dung, sưu, lính mọi việc, cho nối dõi tổ tông họ Trịnh...”*. Và Gia Long đã lệnh cấp cho ruộng tể 500 mẫu để dùng vào tể tự nhà thờ họ Trịnh, và cho 347 người là con cháu họ Trịnh được hưởng quyền ưu đãi nói trên.

Chỉ có sự ưu đãi con cháu chúa Trịnh - còn con cháu vua Lê, Gia Long không biệt đãi gì.

Mộng bá vương đã đạt - vương quyền được xác lập. Tội lỗi của tổ tông hai dòng họ Trịnh - Nguyễn lùi và chìm sâu vào lịch sử.

Tại sao trên sách, sử vẫn còn nói đến tội lỗi đàn áp, ức hiếp của họ Trịnh với Nguyễn và quy tội chia cắt đất nước cho một họ Trịnh?